

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯƠNG VÂN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯƠNG VÂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DUONG VAN ONE MEMBER COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108546073

3. Ngày thành lập: 13/12/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Căn 25D – 26D dự án khu nhà ở thấp tầng tại ô đất A10 Khu đô thị Nam Trung Yên, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
2.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
3.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ vận tải hàng không)	5229
4.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
5.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610(Chính)
6.	Xuất bản phần mềm Chi tiết: Sản xuất phần mềm	5820
7.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
9.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
10.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
11.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
12.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
13.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

14.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: dịch vụ tư vấn bất động sản Môi giới bất động sản	6820
15.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
16.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
17.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
18.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
19.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
20.	Bốc xếp hàng hóa	5224
21.	Lập trình máy vi tính	6201
22.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
23.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: cung cấp tư vấn, hướng dẫn và trợ giúp điều hành đối với nhà kinh doanh và các tổ chức khác trong vấn đề quản lý: lập chiến lược và kế hoạch hoạt động, ra quyết định tài chính, mục tiêu và chính sách thị trường, chính sách nguồn nhân lực, thực thi và kế hoạch; chương trình sản xuất và kế hoạch điều khiển...	7020
24.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
25.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
26.	Cho thuê xe có động cơ	7710
27.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
28.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp Chi tiết: Kế hoạch tài chính, giữ sổ sách kế toán, dịch vụ nhân sự	8211
29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
30.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
31.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
32.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
33.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
34.	Xây dựng công trình điện	4221
35.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
36.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
37.	Phá dỡ	4311
38.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
39.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

40.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
41.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
42.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
43.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
44.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
45.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	1020
46.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
47.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
48.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
49.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
50.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
51.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
52.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
53.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
54.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
55.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
56.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
57.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
58.	In ấn	1811
59.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
60.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
61.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
62.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
63.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
64.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
65.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
66.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
67.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
68.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
69.	Bán buôn đồ uống	4633
70.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
71.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
72.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
73.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

74.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
75.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
76.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);	4659
77.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
78.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	2599
79.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
80.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
81.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
82.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
83.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
84.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
85.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
86.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
87.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
88.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
89.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
90.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
91.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
92.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
93.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
94.	Sản xuất máy luyện kim	2823
95.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
96.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
97.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
98.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
99.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
100.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
101.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: Sản xuất đồ đạc các loại bằng gỗ ở mọi nơi và cho các mục đích khác nhau	3100

102.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
103.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
104.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá)	4774
105.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
106.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
107.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
108.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
109.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh; - Bán lẻ thảm treo tường, thảm trải sàn, đệm, chăn, màn; - Bán lẻ sách, truyện, báo, tạp chí; - Bán lẻ trò chơi và đồ chơi; - Bán lẻ thiết bị, đồ dùng gia đình, hàng điện tử tiêu dùng; - Bán lẻ đĩa ghi âm thanh, hình ảnh; - Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng; (trừ hoạt động đấu giá)	4789
110.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
111.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
112.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
113.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
114.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
115.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
116.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
117.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
118.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
119.	Sản xuất giày, dép	1520
120.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
121.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
122.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
123.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
124.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
125.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
126.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
127.	Đúc sắt, thép	2431

128.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
129.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
130.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
131.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
132.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
133.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
134.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
135.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
136.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
137.	Sản xuất nhạc cụ	3220
138.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
139.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
140.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
141.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
142.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
143.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
144.	Xây dựng nhà để ở	4101
145.	Xây dựng nhà không để ở	4102
146.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
147.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
148.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
149.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
150.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
151.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
152.	Bán buôn thực phẩm	4632
153.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
154.	Sản xuất đồng hồ	2652
155.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
156.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
157.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
158.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
159.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

